

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp yêu cầu
thay đổi người trực tiếp nuôi con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyến

Ông Lê Trọng Tính

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham
gia phiên tòa:** Ông Ngô Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày
17 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp yêu cầu thay đổi người trực tiếp
nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ
ngày 28/4/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N - SN: 1964; (có mặt)

Trú tại: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn N1 - SN: 1972; (vắng mặt và xin xét xử vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T1, huyện T2, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền và lợi ích được bảo vệ: Cháu Ngô Văn N2, sinh ngày
23/02/2007 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông N1 đã tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào
năm 2014, nhưng sau đó do mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến ly hôn vào năm 2017 theo
Bản án số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 23/11/2017 của TAND huyện Thiệu Hóa, tỉnh
Thanh Hóa. Nhưng sau đó vì thương con nên hai bên lại tái hôn và đăng ký kết hôn

lại ngày 17/7/2019 tại UBND xã L, sống chung với nhau tại đây được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến không thể sống chung được nữa. Ông N1 cũng đã bỏ về bắc sinh sống từ tháng 9/2019 cho đến nay, hai bên không liên lạc hay quan tâm lo lắng gì cho nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N đề nghị được ly hôn với ông N1.

+ *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, bà N, ông N1 có 01 con chung là cháu Ngô Văn N2, sinh ngày 23/02/2007. Tại Bản án số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 23/11/2017 của TAND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã giải quyết giao con chung cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng 1.000.000đ cho đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay do cháu N2 sống chung với bà N tại xã L, ông N1 bỏ về quê sinh sống không lo cho con; cháu N2 có nguyện vọng được ở với bà N. Do đó, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2020, đơn xin vắng mặt để ngày 09/3/2020, bị đơn ông Ngô Văn N1 trình bày*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông N1 thống nhất với bà N về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng. Ông N đồng ý ly hôn với bà N.

+ *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông N1 cũng thừa nhận giữa vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Văn N2, sinh ngày 23/02/2007. Khi ly hôn ông N1 đề nghị được trực tiếp nuôi con, yêu cầu bà N cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời ông N1 có đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án.

- *Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và giao quyền nuôi con cho bà, ngoài ra không có yêu cầu nào khác..*

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung” do nguyên đơn bà Phạm Thị N thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện ông Ngô Văn N1 có nơi đăng ký thường trú tại thôn 2, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn N1 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Năm.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà N, ông N1 có tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước ngày 17/7/2019. Xét thấy việc kết hôn giữa anh bà N, ông N1 là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả bà N, ông N đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà N, ông Năm là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của bà N và kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống bà N và ông N1 có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng qua điểm sống, thường xuyên cãi nhau; bản thân bà N không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, điều này cũng đã được ông N1 thừa nhận và đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà N, ông N1 đều đồng ý ly hôn nên được ghi nhận.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, bà N, ông N1 có 01 con chung là cháu Ngô Văn N2, sinh ngày 23/02/2007. Tại Bản án số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 23/11/2017 của TAND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã giải quyết giao cháu N2 cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà N có N2 vụ cấp dưỡng hàng tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi. Nay bà N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Tại Bản án số 31/2017/HNGĐ-ST ngày 23/11/2017 của TAND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa giao cháu N2 cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng, đến tháng 7/2019, bà N và ông N1 về sống chung với nhau và cùng nhau nuôi con tại xã L, huyện P. Nhưng từ thời điểm tháng 9/2019 đến nay, do mâu thuẫn nên ông Năm bỏ về quê sinh sống không trực tiếp chăm sóc cháu N2, bản thân cháu N2 hiện nay đang sống chung với bà N và cháu N2 cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Căn cứ Điều 81, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N2, cần giao cháu N2 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, do đó yêu cầu của bà N về phần này được chấp nhận.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm và tranh chấp yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung*: Bà Phạm Thị N phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N về yêu cầu ly hôn và tranh chấp yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Ngô Văn N1.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị N và ông Ngô Văn N1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Văn N2, sinh ngày 23/02/2007 cho bà Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và N2 vụ khác đối với con chung theo quy định của của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết bà Phạm Thị N, ông Ngô Văn N1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 027407, quyền số 0549 ngày 17/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tấn Trường

